

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 132/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2020

V/v: “Tranh chấp về ly hôn
và nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tạc
2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk:
Không tham gia.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2020 “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thu H1 – Sinh năm 1996 - vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã H, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H2 - Sinh năm 1985 - vắng mặt

Địa chỉ: Đường P, xã C, thành phố B, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 4 năm 2020 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị Thu H1 trình bày: Chị H1 xây dựng gia đình với anh

H2 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/12/2015.

Quá trình duy trì hôn nhân, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H2 không lo tu chí làm ăn mà rượu chè nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, tháng 3/2019 chị H1 làm đơn ra Tòa xin ly hôn với anh H2, được Tòa hòa giải chị H1 rút đơn về, nhưng anh H2 không thay đổi nên tháng 4/2020 vợ chồng tự sống ly thân mỗi người một nơi cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân cả hai bên đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mà bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Nay chị H1 xác định tình cảm, tình yêu thương vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài nên chị H1 xin được ly hôn với anh H2.

Về con chung: Chị H1 và anh H2 có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày 14/02/2016, từ khi ly thân đến nay cháu U đều do chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị H1 xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức H2 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Đức H2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai; Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Võ Thị Thu H1 và anh Nguyễn Đức H2 tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 16/12/2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân chị H1 – anh H2 thường xảy ra mâu thuẫn và căng thẳng từ tháng 3/ 2019, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay, từ khi

ly thân đến nay cả hai bên đều không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, giải quyết mâu thuẫn mà bỏ mặc ai nấy sống không quan tâm tới nhau; Chính quyền địa phương xác nhận quá trình chung sống chị H1 và anh H2 thường xuyên cãi vã, địa phương cũng đã khuyên nhủ nhưng không được. Về phía anh H2, quá trình giải quyết vụ án đã được tổng đạt thông báo thụ lý hợp lệ, nhưng anh H2 không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H1.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H1 – anh H2 đã kéo dài và ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh H2 của chị H1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H1 và anh H2 có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày 14/02/2016, từ khi vợ chồng ly thân cháu U đều ở với chị H1, chị H1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U. Để đảm bảo việc ăn ở, học hành ổn định cho cháu U, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H1 là giao cháu U cho chị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và công nợ: Chị H1 xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Thu H1 và anh Nguyễn Đức H2.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày 14/02/2016 cho chị Võ Thị Thu H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Anh Nguyễn Đức H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Đương sự xác định không có tài sản và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Thu H1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H1 đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự Thành phố B theo biên lai thu tiền số: 0007847 ngày 12/5/2020.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND p. T, Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư